

Hải Hoà, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NĂM HỌC
ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI
NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Mục tiêu và nội dung chăm sóc - nuôi dưỡng

Mục tiêu chăm sóc - nuôi dưỡng trong chủ đề	Nội dung chăm sóc - nuôi dưỡng trong chủ đề
1. Tổ chức ăn	
MT 1: Trẻ được ăn 3 bữa/ngày theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cung cấp đủ năng lượng 615 - 726Kcal/ ngày.	- Tổ chức hoạt động ăn chính: 2 chính (Bữa cơm thường; Cháo, bánh đa, chè); Ăn phụ (1 bữa sữa). - Trẻ uống nước đun sôi để nguội (Nước ấm), đảm bảo vệ sinh. - Uống khoảng 1,6 - 2,0 lít/ngày (Kể cả nước trong thức ăn) - Thực hiện khẩu phần ăn đã được xây dựng trên phần mềm PMS; Thực đơn theo tuần, ngày, mùa.
2. Tổ chức ngủ	
MT 2: Trẻ được ngủ theo nhu cầu độ tuổi: 1 giấc trưa khoảng 150 phút.	- Tổ chức hoạt động ngủ trưa cho trẻ khoảng 150 phút. - Hoạt động ngủ: + Chăm sóc trẻ trước khi ngủ. + Chăm sóc trẻ trong khi ngủ + Chăm sóc trẻ sau khi ngủ.
3. Vệ sinh	
MT 3: Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường sạch sẽ.	- Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Hoạt động ăn: + Chăm sóc trẻ trước khi ăn (Rửa tay trước khi ăn). + Chăm sóc trẻ sau khi ăn (Rửa mặt sau khi ăn). - Hoạt động đón trẻ, hoạt động chiều (Chơi tự do): Sắp xếp đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định.
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT 4: Trẻ có cân nặng và	- Chế độ ăn phù hợp với trẻ, đảm bảo vệ sinh an

chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi + Cân nặng: . Trẻ trai: 15, 9- 27,1kg . Trẻ gái: 15, 3- 27, 8kg + Chiều cao: . Trẻ trai: 106,1- 125,8cm . Trẻ gái: 104, 9- 125, 4cm	toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo độ tuổi - Cân, đo theo định kỳ và theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng - Có giải pháp khắc phục suy dinh dưỡng, béo phì, phòng bệnh - Phối kết hợp với gia đình chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ
MT 5: Trẻ được đảm bảo về an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Thực hiện bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”. - Phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
MT 6: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng. - Theo dõi tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh theo mùa.

2. Mục tiêu và nội dung giáo dục:

Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
a. Phát triển vận động.		
MT 1	- Thực hiện đúng đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Động tác hô hấp: + Hít vào, thở ra + Hít vào thở ra sâu - Động tác tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Động tác lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau + Quay sang trái, sang phải

		+ Nghiêng người sang trái, sang phải - Động tác chân: + Nhún chân + Ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối - Động tác bật: + Bật tại chỗ. + Bật tách khếp chân + Bật tiến về phía trước (bật qua gậy) + Bật luân phiên chân trước chân sau + Nhảy bước đệm trên một chân, đổi chân (nhảy chân sáo)
MT 2	Trẻ giữ thăng bằng khi thực hiện vận động bước đi liên tục trên ghế thể dục	- Đi bước lùi - Đi bằng gót chân. - Đi khuyu gối - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.
MT 3	- Trẻ có thể kiểm soát được vận động đi thay đổi hướng vận động	- Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi tốc độ theo đườngdích dắc(đổi hướng)
MT 4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân trong thực hiện vận động bò	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3- 4m - Bò trong đường dích dắc qua 3-5 điểm, cách nhau 2m - Bò chui qua cổng - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m
MT 5	- Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi hướng vận động	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn - Chạy theo đường dích dắc.
MT 6	- Trẻ thể hiện tố chất nhanh, mạnh trong thực hiện vận động chạy liên tục 12m không hạn	- Chạy chậm 60- 80 m - Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy liên tục 12m không hạn chế

	chế thời gian.	thời gian
MT 7	- Trẻ phối hợp tay, mắt trong vận động tung, đập và bắt bóng 4- 5 lần liên tiếp.	- Tung bắt bóng với người đối diện - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Đập và bắt bóng tại chỗ - Đập và bắt bóng tại chỗ 4- 5 lần liên tiếp
MT 8	- Biết phối hợp tay, mắt và sự khéo léo trong vận động chuyền và bắt bóng.	- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT 9	- Trẻ kiểm soát vận động ném xa	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay
MT 10	- Trẻ có kỹ năng trong thực hiện vận động ném trúng đích.	- Ném trúng đích thẳng đứng - Ném trúng đích nằm ngang
MT 11	- Trẻ có kỹ năng trong thực hiện vận động trườn, trèo lên xuống thang.	- Trườn theo hướng thẳng; - Trèo qua ghế dài 1,5m x 0,3 m; - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
MT 12	- Trẻ biết dùng sức mạnh để thực hiện vận động nhảy lò cò	- Nhảy lò cò 3m liên tục
MT 13	- Trẻ biết dùng sức mạnh để thực hiện vận động bật	- Bật liên tục về phía trước (Liên tục vào vòng) - Bật chụm chân, tách chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm - Bật từ trên cao xuống 30 – 35cm - Bật xa 35-40cm
MT 14	- Thực hiện được các vận động: cuộn, xoay tròn, gập mở các ngón tay, cổ tay.	- Xoắn, vặn cổ tay, ngón tay - Tạo hình các con vật ; - Vo, xoáy, búng ngón tay - Vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay ; - Đóng, mở nắp hộp ; - Bỏ vào lấy ra qua lỗ, khe ; - Gói thông thường - Luyện tay: Búng ngón tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay..
MT 15	- Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay , tay-mắt trong một số hoạt động tạo hình	- Xếp chồng khối gỗ, hộp - Vẽ hình, tô màu - Nặn - Gấp giấy

		- Lắp ghép hình - Xé dán - Cắt đường thẳng - Tết sợi đôi
MT 16	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay , tay-mắt trong một số hoạt động phục vụ bản thân.	- Quán dây - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây - Kéo phéc-motuya. - Sử dụng các đồ dùng ăn uống
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
MT 17	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm -Nói được tên một số món ăn hàng ngày.	- Nhận biết, gọi tên một số thực phẩm thông thường và các nhóm thực phẩm: nhóm thực phẩm giàu chất bột đường, vitamin và muối khoáng, chất đạm, chất béo - Thực phẩm có nhiều chất đạm: Thịt, cá,.. - Thực phẩm có nhiều tinh bột: gạo, các loại củ... - Thực phẩm có nhiều vitamin: rau, quả chín.. - Các thực phẩm khác nhau về màu sắc,kích thước, mùi vị, hình dạng * Nhận biết, phân biệt các món ăn bằng các giác quan ; - Một số món ăn có nguồn gốc từ thực vật ; - Một số món ăn có nguồn gốc động vật - Nhận biết, gọi tên một số món ăn ở trường : thịt rim cà chua, canh xương khoai tây, đậu phụ luộc thịt, rau luộc....
MT 18	- Trẻ nói được một số dạng chế biến đơn giản của món ăn.	* Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn:thịt kho, cá rán, canh, cơm... - Một số thực phẩm có nhiều cách ăn khác nhau : ăn sống, ăn chín, muối dưa... - Cách ăn khác nhau của từng loại

		thực phẩm ;
MT 19	- Biết ăn và không ăn một số thức ăn có hại cho sức khỏe; biết ích lợi của ăn uống với sức khỏe.	- Cách chọn thức ăn đơn giản : Sạch, ngon, không ôi thiu ; - Cách bảo quản thức ăn đơn giản - Nhận biết các bữa ăn trong ngày: sáng, trưa, tối và ích lợi của ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng ; - Ích lợi của ăn uống sạch sẽ ; - Một số thói quen tốt để giữ gìn sức khỏe ; - Nhận biết sự liên quan giữa ăn, uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết phân biệt 1 số thực phẩm có hại cho sức khỏe - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không ăn thức ăn ôi thiu, không uống nước lã.
MT 20	- Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc tự phục vụ bản thân, một số việc khi được nhắc nhở.	- Tự rửa tay bằng xà phòng - Tự đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự biết đi vệ sinh. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn. - Tự mặc quần, áo. - Tự thay quần áo khi bị ướt , bẩn
MT 21	- Trẻ có một số thói quen tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn, từ tốn, nhai kỹ. - Giữ lịch sự khi ăn uống: Không nói chuyện, không cười đùa...
MT 22	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Vệ sinh răng miệng. - Đội mũ khi ra nắng - Mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, đi giày khi đi học.

		- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
MT 23	- Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh chung	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định
MT 24	- Trẻ biết một số vật dụng, nơi nguy hiểm và không được đến gần, một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	* Một số vật dụng nguy hiểm: bàn là, bếp đun, phích nước nóng... - Các vật sắc, nhọn... * Một số hành động nguy hiểm: cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...
MT 25	- Trẻ biết không được tự ý làm khi không được người lớn cho phép, nhận ra một số nơi nguy hiểm và không được đến gần.	* Tự ý uống thuốc, tự ý ra khỏi trường, chơi ở đường quốc lộ, tự ý ra ao, hồ, sông, suối chơi. * Một số nơi nguy hiểm: hồ, ao, nương, hàng rào, giếng, suối, bể chứa nước...
MT 26	- Trẻ có thể nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người lớn giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của bố mẹ hoặc người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
a. Khám phá khoa học		
MT 27	- Trẻ tò mò, tìm tòi, khám phá và phối hợp các giác quan để quan sát xem xét và thảo luận về các giác quan trên cơ thể.	- Tên gọi đặc điểm, chức năng của các giác quan trên cơ thể - Nhận biết, phân biệt các giác quan trên cơ thể - Cách giữ gìn, rèn luyện vệ sinh các giác quan sạch sẽ.
MT 28	- Trẻ tò mò, tìm tòi, khám phá và phối hợp các giác quan để quan sát xem xét và thảo luận về các bộ phận trên cơ thể	- Nhận biết phân biệt một số bộ phận trên cơ thể bé hoặc qua tranh ảnh - Kể về bạn, về mình, thảo luận về các bộ phận trên cơ thể - Sự thay đổi của cơ thể. - Giữ gìn cơ thể sạch sẽ.
MT 29	- Trẻ biết tên, đặc điểm, công	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm, công

	dụng và cách sử dụng của các đồ dùng, đồ chơi.	dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi ở trường mầm non. - Nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng của cá nhân. - Nhận biết tên gọi, đặc điểm đồ dùng, trong gia đình. - Nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, dụng cụ lao động của một số nghề. - Đặc điểm một số chất liệu: sứ, gỗ, nhựa, .. - Nhận biết đồ dùng gây nguy hiểm. - Cách bố trí sắp xếp đồ dùng ngăn nắp. - So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng của 1-2 dấu hiệu.
MT 30	- Trẻ thích khám phá, tò mò về một số loại cây, hoa, rau củ quả.	* Nhận biết tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại cây. - Sản phẩm từ một số loại cây. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loại cây - Cách chăm sóc và bảo vệ cây - Quá trình nảy mầm của hạt. - Quá trình lớn lên của cây. * Nhận biết tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại hoa. - Cách sử dụng một số loại hoa. - Sản phẩm từ hoa. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loại hoa. - Cách chăm sóc và bảo vệ các loại hoa * Nhận biết tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại quả. - Cách sử dụng một số loại quả.

		- Cách món ăn được chế biến quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loại quả. - Cách bảo quản một số loại quả. * Nhận biết tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại rau, củ. - Cách sử dụng rau, củ. - Cách món ăn được chế biến từ rau, củ - Sản phẩm từ rau củ. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loại rau, củ. - Cách chăm và bảo quản một số loại rau, củ.
MT 31	- Trẻ thích khám phá một số con vật gần gũi trong gia đình, con vật sống trong rừng, con vật sống dưới nước, một số loại côn trùng	* Nhận biết tên gọi, đặc điểm, ích lợi, thức ăn, cách chăm sóc, bảo vệ một số con vật sống trong gia đình. - Quan sát, nhận xét những đặc điểm giống nhau và khác nhau rõ nét của 2 con vật. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. * Nhận biết tên gọi, đặc điểm, ích lợi, tác hại, thức ăn, nơi sống, cách chăm sóc, bảo vệ một số con vật sống trong rừng. - Quan sát, so sánh, nhận xét những đặc điểm giống nhau và khác nhau của một số con vật. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. * Nhận biết tên gọi, đặc điểm, lợi ích, thức ăn, nơi sống, cách chăm sóc một số con vật sống dưới nước. - Biết phân loại các con vật theo môi trường sống và ích lợi. - Quan sát phán đoán mối liên hệ

		đơn giản giữa con vật với môi trường sống - Cách bảo vệ môi trường sống. * Nhận biết tên gọi, đặc điểm, lợi ích, tác hại, nơi sống của một số loại côn trùng- chim. - Cách chăm sóc, bảo vệ các loại côn trùng có ích . - Cách phòng tránh các loại côn trùng có hại.
MT 32	- Biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số PTGT quen thuộc.	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng các PTGT đường bộ; - Tên gọi, đặc điểm, công dụng các PTGT đường thủy; - Tên gọi, đặc điểm, công dụng các PTGT đường hàng không; - Người điều khiển các phương tiện giao thông; - Phân loại các nhóm PTGT; - So sánh một số PTGT theo 1- 2 dấu hiệu
MT 33	- Trẻ có hiểu biết về nước.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
MT 34	-Trẻ có hiểu biết về một số hiện tượng tự nhiên.	- Đặc điểm của một số hiện tượng thời tiết: Mưa, nắng, sấm chớp, cầu vồng sương mù. - Nguyên nhân, biểu hiện, ích lợi, tác hại, cách phòng tránh một số hiện tượng tự nhiên. - Nhận biết đặc điểm về ban ngày, ban đêm. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT 35	- Trẻ tìm tòi, quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi	- Một số mối liên hệ đơn giản, giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

	trường sống	- Nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - Nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Ích lợi của nước đối với đời sống của con người, con vật và cây. - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây cối. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người.
b. Làm quen với toán		
MT 36	- Trẻ nhận biết được biểu tượng về số lượng và số đếm.	- Thuộc số đếm - Đếm đúng trên đồ vật - Đếm không lặp lại - Đếm không bỏ sót
MT 37	- Trẻ có khả năng đếm, tạo nhóm, nhận biết số lượng trong phạm vi 5	- Đếm, nhận biết nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2. Nhận biết số 1; 2 - Đếm, nhận biết nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3. Nhận biết số 3. - Đếm, nhận biết nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 4. Nhận biết số 4. - Đếm, nhận biết nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. Nhận biết số 5.
MT 38	- Trẻ có khả năng tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ và gộp lại lượng trong phạm vi 5.	- Tách, gộp trong phạm vi 2. - Tách, gộp trong phạm vi 3. - Tách, gộp trong phạm vi 4. - Tách, gộp trong phạm vi 5.
MT 39	- Trẻ nhận biết được ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số điện thoại, số nhà, biển số xe...
MT 40	- Có thể so sánh xếp tương ứng các đối tượng có liên quan và ghép thành đôi	- Xếp tương ứng 1-1 giữa 2 nhóm đối tượng gần giống nhau (có mối liên quan đến nhau)

		- Ghép đôi tạo thành đôi có ý nghĩa: đôi dép, đôi tất...
MT 41	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của một nhóm đôi tượng theo hai dấu hiệu và sao chép lại	- Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ của 1 nhóm đôi tượng theo 2 dấu hiệu về màu sắc - Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ của 1 nhóm đôi tượng theo 2 dấu hiệu về kích thước - Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ của 1 nhóm đôi tượng theo 2 dấu hiệu về màu sắc và kích thước.
MT 42	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của hai nhóm đôi tượng và sao chép lại.	- Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ (1- 1- 1- 1) của 2 nhóm đôi tượng. - Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ (1- 2- 1- 2) của 2 nhóm đôi tượng. - Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ (2- 2- 2- 2) của 2 nhóm đôi tượng. - Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ của 2 nhóm đôi tượng.
MT 43	- Trẻ biết cách đo kích thước của một vật và diễn đạt kết quả đo	- Nhận biết cách đo kích thước - Đo độ dài của một vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh, diễn đạt kết quả đo. - Sử dụng các từ so sánh thể hiện kết quả đo
MT 44	- Trẻ có kỹ năng đo dung tích một vật.	- Nhận biết cách đo dung tích. - Đo dung tích của một vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh, diễn đạt kết quả đo.
MT 45	- Nhận biết được sự giống nhau và khác nhau giữa các hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật qua một vài dấu hiệu nổi bật.	- Phân biệt hình vuông, hình chữ nhật. - Phân biệt hình tam giác, hình tròn - Phân biệt hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác - Phân biệt hình tròn với hình vuông, hình tam giác với hình chữ nhật,
MT 46	- Trẻ biết xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ. (phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái)	- Xác định vị trí đồ vật ở phía trước-phía sau, phía trên - phía dưới so với bản thân trẻ. - Xác định vị trí đồ vật ở phía phải – phía trái so với bản thân trẻ.
MT 47	- Trẻ biết xác định vị trí	- Xác định vị trí đồ vật ở phía trước-

	của đồ vật so với bạn khác	phía sau, phía trên - phía dưới so với bạn khác. - Xác định vị trí đồ vật ở phía phải – phía trái so với bạn khác.
MT 48	- Trẻ nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối	- Nhận biết các buổi trong ngày: sáng, buổi trưa, chiều, tối. - Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian: sáng, trưa, chiều, tối.
c. Khám phá xã hội		
MT49	- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về trường mầm non	- Tên lớp. - Tên trường, địa chỉ trường. - Tên cô giáo, công việc của cô giáo. - Họ tên, một vài đặc điểm của các bạn. - Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. - Công việc của các cô, bác ở trường mầm non. - Tên gọi, đặc điểm, vị trí của đồ dùng, đồ chơi trong sân trường; - Một số quy định tại trường, lớp. - Cách giữ gìn đồ dùng đồ chơi;
MT 50	- Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, của bản thân, bạn bè, bố, mẹ khi được hỏi và trò chuyện. - Điểm giống và khác nhau của bản thân và người gần gũi: giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích... - Một số công việc tự phục vụ bản thân; - Tình cảm của bản thân với bạn bè, trường lớp, với các sự vật xung quanh... - Một số hành vi lịch sự, lễ phép, ứng xử phù hợp; - Nhu cầu của bản thân;
MT 51	- Trẻ có những hiểu biết về gia đình.	- Tên, công việc của các thành viên trong gia đình;

		- Họ hàng của gia đình; - Tình cảm của các thành viên trong gia đình, cách ứng xử, xưng hô phù hợp, lịch sự; - Những thay đổi trong gia đình; - Một số nhu cầu của gia đình: ăn uống, giải trí... - Địa chỉ gia đình: xóm, thôn... - Số điện thoại của bố, mẹ, người thân.
MT 52	- Trẻ có hiểu biết về một số nghề trong xã hội, nghề của địa phương	- Tên gọi, công cụ, các hoạt động, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề phổ biến. - Tên gọi, công cụ, các hoạt động, sản phẩm, ý nghĩa của các nghề sản xuất. - Tên gọi, công cụ, các hoạt động, sản phẩm, ý nghĩa của các nghề dịch vụ. - Tên gọi, công cụ, các hoạt động, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề truyền thống địa phương. - Tên gọi của người làm nghề phổ biến, nghề dịch vụ, nghề sản xuất; - Thái độ tình cảm với những người làm nghề khác nhau; - Nơi làm việc của một số nghề; - Cách sử dụng sản phẩm của một số nghề;
MT 53	- Kể được tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	- Tên gọi của phường, thành phố, tỉnh nơi trẻ sinh sống - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của thành phố Móng Cái: Đình làng Trà Cổ, bãi biển Trà Cổ, mũi Sa Vĩ, - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của tỉnh Quảng Ninh:

		Cacnaval Hạ Lông, Núi Bài Thơ, Vịnh Hạ Long...
MT 54	- Kể được tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của đất nước	- Tên gọi đất nước, thủ đô, bản đồ, cờ tổ quốc - Một số địa danh nổi tiếng của đất nước: tên gọi, đặc trưng văn hoá - Một số ngày lễ hội của đất nước
MT 55	- Biết Bác Hồ là lãnh tụ của Việt Nam, tình cảm của Bác đối với thiếu nhi	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của quê hương Bác, Lăng Bác - Ngày sinh của Bác và các hoạt động trong ngày sinh của Bác - Tình cảm của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi
MT56	- Kể được tên và các hoạt động của một số ngày lễ lớn trong năm	- Một số ngày lễ lớn: Quốc khánh, khai giảng, tết trung thu, ngày 20/10, ngày 20/11, tết Nguyên Đán - Các hoạt động trong ngày lễ lớn
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
a. Nghe		
MT 57	- Trẻ thực hiện được 2- 3 yêu cầu liên tiếp.	- Nghe hiểu và làm theo 2 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu và làm theo 3 yêu cầu liên tiếp
MT 58	-Trẻ nhận được sắc thái biểu cảm của lời nói.	- Nghe lời nói khi vui, khi buồn, khi tức giận, sợ hãi. - Nghe các từ biểu cảm - Nghe ngữ điệu thể hiện các sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe lời nói của cô; - Lắng nghe chăm chú, không ngắt lời và đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.
MT 59	- Trẻ có thể hiểu được nghĩa của một số từ khái quát chỉ các sự vật hiện tượng xung quanh.	- Nghe và hiểu nghĩa một số từ khái quát: + Từ chỉ tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, tính chất của 1 số đồ dùng trong gia đình, trường mầm non: tủ, giường, quần áo, bát đĩa... + Từ chỉ tên gọi, đặc điểm, cấu tạo

		của một số đồ chơi: cầu trượt, đu quay.... + Từ chỉ tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, công dụng của 1 số phương tiện giao thông, hiện tượng tự nhiên + Từ chỉ tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, hình dạng của con vật nuôi trong gia đình, dưới nước, trong rừng, côn trùng... + Từ chỉ tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, hình dạng, màu sắc, ích lợi của các loại rau, củ, quả...
MT 60	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại bằng câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Nghe và hiểu các câu đơn, câu mở rộng, câu phức của người đối thoại: cô, các bạn, những người thân trong gia đình...
MT 61	- Biết lắng nghe và hiểu nội dung bài hát, câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện kể, truyện đọc theo chủ đề	- Nghe hiểu nội dung bài hát, câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể, truyện đọc theo chủ đề
b. Nói		
MT 62	- Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Phát âm các từ chỉ người, cây cối, con vật, sự vật, đồ vật, các hiện tượng tự nhiên,... - Các trò chơi luyện phát âm - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Chơi các trò chơi luyện phát âm;
MT 63	- Trẻ có thể bày tỏ nhu cầu, tình cảm, hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn giản	- Nói lên nhu cầu, tình cảm, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?
MT 64	- Có thể sử dụng được các từ chỉ tên gọi, hoạt động, đặc điểm,...của sự vật, hiện tượng	- Nói tên, đặc điểm nổi bật của bản thân, gia đình, bạn bè - Nói tên, đặc điểm nổi bật, công dụng...của đồ dùng đồ chơi, con

		vật, các PTGT, các hiện tượng tự nhiên...
MT 65	- Trẻ có khả năng sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nhận biết các câu đơn, câu ghép đơn giản; - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu khẳng định, câu phủ định. - Bày tỏ cảm xúc, ý nghĩ, nhu cầu, kinh nghiệm của bản thân về trường lớp mầm non, gia đình, bạn bè bằng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định đơn giản. - Sử dụng các câu đơn, câu ghép đơn giản để miêu tả đặc điểm của con vật; một số loại cây, hoa quả - Sử dụng các câu đơn, câu ghép đơn giản để miêu tả đặc điểm của một số phương tiện giao thông, một số hiện tượng tự nhiên.....
MT 66	- Trẻ có thể kể chuyện có mở đầu và kết thúc	- Kể lại truyện về các chủ đề khác nhau mà bản thân đã được nghe - Kể chuyện theo tranh về các chủ đề; - Kể chuyện theo đồ chơi - Kể chuyện theo kinh nghiệm.
MT 67	- Trẻ có thể đọc thuộc các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, theo các chủ đề	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè, phù hợp theo các chủ đề : Trường mầm non, bản thân, gia đình, nghề nghiệp, thế giới thực vật, thế giới động vật, tết và mùa xuân, hiện tượng tự nhiên, các phương tiện giao thông, quê hương, đất nước, Bác Hồ.
MT 68	- Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	- Cách kể lại các sự việc theo trình tự: Sự việc diễn ra trước kể trước, sự việc diễn ra sau kể sau.

		- Các thông tin cần thiết của sự việc khi được kể: Hành động, tính cách, trạng thái...
MT 69	- Trẻ biết sử dụng các từ mời, chào hỏi.	- Mời khi ăn, uống, khi có khách đến nhà - Chào hỏi khi gặp cô, bạn, người thân, người lớn tuổi.
MT 70	- Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Nói lời cảm ơn khi được sự giúp đỡ - Xin lỗi khi mắc lỗi.
MT 71	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói vừa đủ nghe, không nói lí nhí; - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
MT 72	- Trẻ có khả năng bắt chước giọng nói ; điệu bộ ,của các nhân vật trong truyện.	- Bắt trước giọng nói của các nhân vật trong truyện. - Đóng kịch.
MT 73	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Chọn sách theo ý thích
MT 74	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Xem tranh và mô tả lại hành động các nhân vật trong tranh.
MT 75	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh, đọc sách theo tranh minh họa. (Đọc vẹt)	- Cầm và mở sách đúng chiều - Lật giở sách từng trang, từ trang đầu tiên đến trang kết thúc. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Đọc truyện qua các tranh vẽ - Đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT 76	- Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ sách	- Giữ gìn và bảo vệ sách - Cất gọn gàng lên giá sau khi đọc xong
MT 77	- Trẻ biết và nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống	- Kí hiệu nhà vệ sinh - Kí hiệu của bé - Kí hiệu nơi nguy hiểm... - Biển báo giao thông

		- Biện cảm lửa
MT 78	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Hướng dẫn viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ - Tập tô đồ các nét chữ - Làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
a. Phát triển tình cảm		
MT79	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên bố, tên mẹ.	- Tên tuổi giới tính bản thân, tên bố, mẹ.
MT 80	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Những điều bé không thích - Đồ chơi, trò chơi trẻ yêu thích - Những việc bé làm được hoặc không làm được (rửa tay, rửa mặt, cất đồ chơi, kê bàn ghế, phơi khăn,...) (bổ sung)
MT 81	- Biết cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Phân công trực nhật, dọn đồ chơi. - Một số hoạt động lao động.
MT 82	- Trẻ có khả năng nhận biết một số trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh của người khác với bản thân và mọi người xung quanh. - Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác trước các sự vật, hiện tượng.
MT 83	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.	- Cách biểu lộ một số trạng thái, cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... của bản thân với người khác - Cách biểu lộ một số trạng thái, cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... của bản thân với sự vật, hiện tượng xung quanh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình

		cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói ; trò chơi, hát, vận động ; vẽ ,nặn, xếp hình. - Kinh yêu Bác Hồ - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
b. Phát triển kỹ năng xã hội		
MT 84	- Trẻ thực hiện được một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi qui định; trật tự khi ăn, khi ngủ..., - Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”.
MT 85	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép : Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình và mọi người xung quanh.
MT 86	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô nói, bạn nói, biết quan tâm đến bạn.	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô nói, bạn nói, biết quan tâm đến bạn.
MT 87	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt.
MT 88	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Hợp tác cùng bạn. - Phân công trực nhật, dọn đồ chơi.
MT 89	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Không bẻ cành, ngắt hoa. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối: không đánh đập, cho vật nuôi ăn; nhổ cỏ, nhặt lá vàng rơi, tưới nước cho cây, không ngắt lá, bẻ cành...
MT 90	- Trẻ có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường: vứt rác vào thùng, trực nhật lớp... - Một số cách bảo vệ và đề phòng ô nhiễm môi trường - Nguyên nhân gây ô nhiễm môi

		trường - Một số quy định để bảo vệ môi trường ở lớp, gia đình, cộng đồng: Vứt rác đúng nơi qui định, đi lại nhẹ nhàng, không làm ồn nơi công cộng ... - Bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước sạch - Một số cách tiết kiệm điện: Tắt điện, quạt, đài, ti vi...sau khi sử dụng - Các nguyên tắc sử dụng điện an toàn - Các hành vi thái độ tiết kiệm điện
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
a. Âm nhạc		
MT 91	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, làm động tác mô phỏng,...) theo bài hát, theo bản nhạc	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc. - Lắng nghe, tỏ ra thích thú theo bài hát, bản nhạc.
MT 92	- Trẻ biết sử dụng các từ gợi cảm để nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm	- Cách thể hiện tình cảm khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng - Nói được cảm xúc của bản thân khi nghe các âm thanh
MT 93	- Thích nghe nhạc, nghe hát: Chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc,	- Nghe các loại nhạc khác nhau - Nghe cách thể hiện khác nhau trong cùng bản nhạc. - Nghe, nhận ra và thể hiện các sắc thái của các bài hát: Vui, buồn, nhí nhảnh, hồn nhiên... - Nghe các nhạc cụ khác nhau - Nghe các bài hát theo các chủ đề khác nhau
MT 94	- Lựa chọn vật thể hiện hình thức vận động theo bài hát, theo bản nhạc	- Lựa chọn các hình thức vận động theo giai điệu của bài hát, bản nhạc - Tự nghĩ ra các hình thức vận động

		khác nhau
MT 95	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ . .	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Hát đúng giai điệu, lời ca của các bài hát trẻ em có nội dung về trường lớp mầm non, - Hát đúng giai điệu, lời ca của các bài hát trẻ em có nội dung về bản thân. - Hát đúng giai điệu, lời ca của các bài hát có nội dung về gia đình - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung về các nghề trong xã hội - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung về các con vật - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung về cây cối, hoa quả... - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung về tự nhiên - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, đất nước, Bác Hồ - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung về các phương tiện giao thông. - Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát có nội dung về ngày tết và mùa xuân.
MT 96	- Biết lựa chọn các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo các bài hát với các hình thức khác nhau	- Nghe âm thanh các nhạc cụ quen thuộc. - Nhận ra, phân biệt các dụng cụ âm nhạc qua âm thanh của chúng. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp, theo phách bài hát

MT 97	- Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay, giậm chân, nhún nhảy, múa...)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, tiết tấu các bài hát trẻ em có nội dung phù hợp. - Cách vận động phù hợp với nội dung của các bài hát: Vỗ tay, giậm chân, nhún nhảy, múa... - Sắc thái biểu cảm khi thể hiện vận động - Sử dụng các nhạc cụ gõ đệm theo nhịp, theo tiết tấu phù hợp với nội dung của các bài hát trẻ em
b. Tạo hình		
MT 98	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên và trong tác phẩm tạo hình.	- Tiếp xúc với các tác phẩm tạo hình: Bức tranh, đồ chơi, đồ vật.... - Cách thể hiện cảm xúc của mình trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống về màu sắc, kích thước, hình dạng...
MT 99	- Thể hiện những hiểu biết của mình trong hoạt động tạo hình.	- Một số quy định của bài vẽ: Bố cục hài hòa (vật gần vẽ to, vật xa vẽ nhỏ, vẽ chính giữa bức tranh...) - Vẽ phối hợp các đường nét thẳng, nét xiên, xoay tròn để miêu tả sự vật hiện tượng, các sự kiện có mối quan hệ đơn giản: Hoa quả ngày tết, đàn cá bơi trong hồ...
MT 100	- Biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình - Nêu ý tưởng tạo hình của mình.
MT 101	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét các sản phẩm do mình, bạn về hình dạng, màu sắc, bố cục, đường nét...
MT 102	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề trường	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích

	mầm non	thước, đường nét, bố cục cân đối về chủ đề trường mầm non
MT 103	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề bản thân	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề bản thân
MT 104	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề gia đình	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề gia đình
MT 105	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề nghề nghiệp	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề nghề nghiệp
MT 106	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề thế giới động vật	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề động vật
MT 107	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề thế giới thực vật	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề thực vật
MT 108	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề phương tiện giao thông	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề phương tiện giao thông
MT 109	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề nước và hiện tượng tự nhiên	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề nước và hiện tượng tự nhiên
MT 110	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề quê	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích

	hương, đất nước, Bác Hồ	thước, đường nét về chủ đề quê hương, đất nước, bác hồ
MT 111	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề ngày tết và mùa xuân	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé- dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, kích thước, đường nét về chủ đề ngày tết và mùa xuân
MT112	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét các sản phẩm do mình, bạn về hình dạng, màu sắc, đường nét... - Cách giữ gìn sản phẩm tạo hình của mình và các bạn.
MT113	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.

2. Dự kiến chủ đề lớn và thời gian thực hiện

THỨ TỰ	TÊN CHỦ ĐỀ DỰ KIẾN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường mầm non (Tết trung thu)	04 tuần	Từ ngày 09/09/2024- 04/10/2024
2	Bản thân (Ngày phụ nữ Việt Nam)	04 tuần	Từ ngày 07/10 -01/11/2024
3	Gia đình (Ngày nhà giáo Việt Nam)	04 tuần	Từ ngày 04/11- 29/11/2024
4	Nghề nghiệp (Ngày thành QĐNDVN)	04 tuần	Từ ngày 02/12-27/12/2024
5	Giao thông	03 tuần;	Từ ngày 30/12/-17/01/2025
6	Tết và mùa xuân	02 tuần	Từ ngày 20/01– 14/02/2025
7	Thế giới thực vật (Ngày quốc tế phụ nữ)	03 tuần	Từ 17/02- 07/03/2025
8	Thế giới động vật	04 tuần	Từ ngày 10/03-04/04/2025
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	03 tuần	Từ ngày 07/04- 25/04/2025
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ (Sinh nhật Bác)	04 tuần	Từ ngày 28/04/ - 23/05/2025
	10 Chủ đề	35 tuần	

3. Dự kiến chủ đề nhánh và thời gian thực hiện

STT	Chủ đề	Thời gian thực hiện	Dự kiến chủ đề nhánh	Số tuần
1	Trường mầm non (Tết trung thu)	04 tuần Từ ngày 09/9/2024-04/10/2024	- Lớp học của bé - Bé vui đón tết trung thu - Đồ dùng đồ chơi ở lớp - Trường MN thân yêu của bé	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
2	Bản thân (Ngày phụ nữ Việt Nam)	04 tuần Từ ngày 07/10-01/11/2024	- Tôi là ai? - Ngày phụ nữ Việt Nam. - Cơ thể tôi - Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
3	Gia đình (Ngày nhà giáo Việt Nam)	04 tuần Từ 04/11 - 29/11/2024	- Gia đình tôi - Ngôi nhà gia đình ở - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 - Nhu cầu gia đình bé	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
4	Nghề nghiệp (Ngày thành QĐNDVN)	04 tuần; Từ 02/12 - 27/12/2024	- Các nghề bé biết - Nghề xây dựng - sản xuất - Cháu yêu chú bộ đội - Ước mơ của bé	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
5	Giao thông	03 tuần Từ ngày 30/12-17/01/2025	- Một số PTGT đường bộ. - Một số PTGT đường thủy - Một số PTGT đường sắt - đường hàng không	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
6	Tết và mùa xuân	02 tuần Từ 20/1 - 14/2/2025	- Bé vui đón Tết - Mùa xuân đến rồi	- 1 tuần - 1 tuần
7	Thế giới thực vật (Ngày quốc tế phụ nữ)	03 tuần Từ ngày 17/2-07/03/2025	- Cây ,hoa, quả bé yêu - Vườn rau của bé - Ngày vui 8/3.	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
8	Thế giới động vật	04 tuần Từ ngày 10/03	- Những con vật nuôi trong gia đình	- 1 tuần

		- 04/04/2025	- Động vật sống trong rừng - Con vật sống dưới nước - Những con vật biết bay và côn trùng.	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	03 tuần; Từ ngày 07/04 - 25/04/2025	- Dự án nước - Mùa hè tuyệt vời - Bé với các hiện tượng thiên nhiên	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
10	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ (Sinh nhật Bác)	04 tuần Từ ngày 28/4 - 23/05/2025	- Móng Cái thân yêu - Quảng Ninh quê em - Đất nước Việt Nam diệu kỳ. - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	- 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần - 1 tuần
10 chủ đề				35 tuần